



PHẪU THU NƯỚC

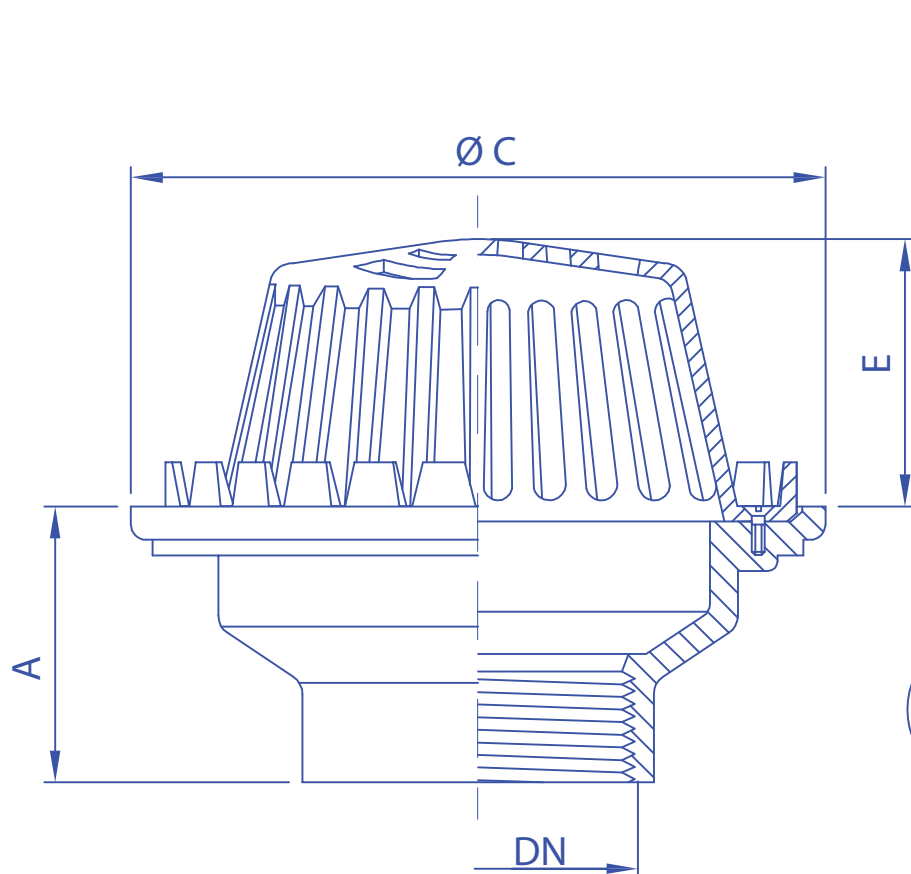
Drainage Product



CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ VÀ DỊCH VỤ THỦY SANH
THUY SANH EQUIPMENT AND SERVICE COMPANY LIMITED

Materials: All Cast Iron

Vật liệu: Gang đúc



Internal Thread Ren Trong

Option: Fit to ID of pipe
Lựa chọn: Lỗ thoát trơn lắp vào trong ống

MODEL R11

ROOF DRAIN

Pipe Size Kích thước ống		O	A	C	E	Free Area Diện tích mặt thoát
(In)		(mm)	(mm)	(mm)	(mm)	(mm ²)
DN50	2	52	74	220	77	13100
DN65	2 1/2	67	74	220	77	13100
DN80	3	81	74	220	77	13100
DN100	4	102	74	220	77	13100
DN125	5	125	100	310	105	27400
DN150	6	152	100	310	105	27400
DN200	8	200	110	310	105	27400
DN250	10	230	150	426	112	51100

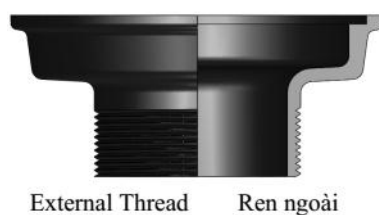
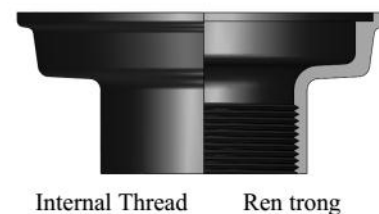
MODEL R21

Materials: Cast Iron for Body, SUS304 for Cover

Vật liệu: Thân Gang, mặt Inox 304



Tùy chọn: Cách nối ống
Options: Pipe Connection



MODEL R21

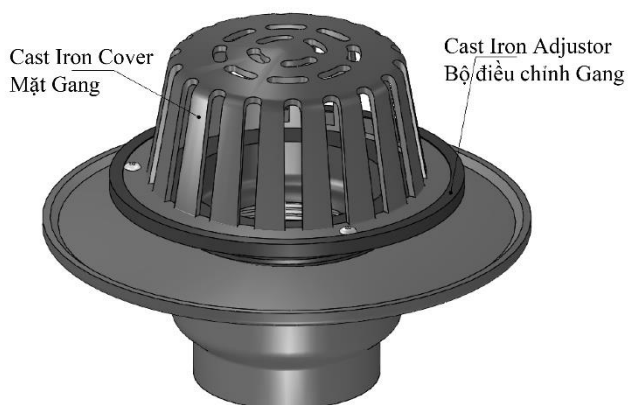
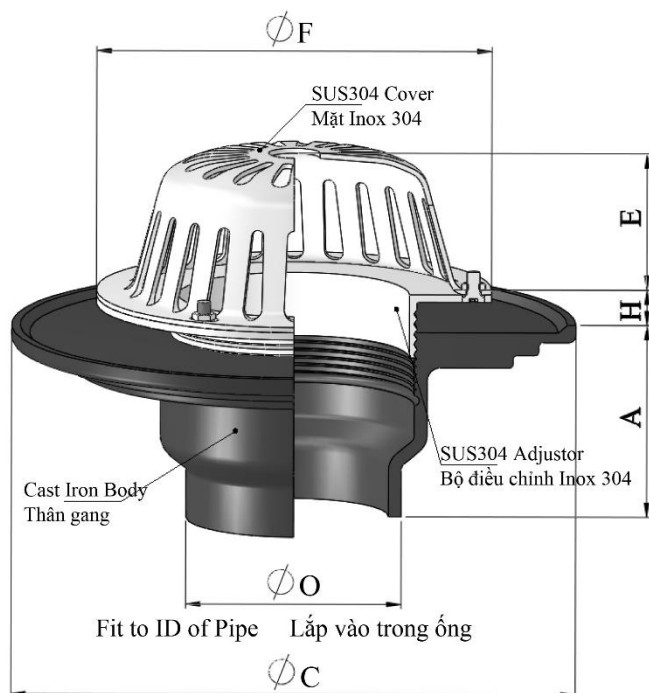
ROOF DRAIN

Pipe Size Kích thước ống		O	D	C	E	H1	H2
(DN)	(In)	(mm)	(mm)	(mm)	(mm)	(mm)	(mm)
DN50	2	51	150	170	50	30	35
DN65	2 1/2	64	150	170	50	30	35
DN80	3	79	150	170	50	30	35
DN100	4	98	150	170	50	30	35
DN125S	5	116	150	170	50	30	35
DN125	5	122	150	170	50	30	35
DN150	6	148	230	310	80	40	40
DN200S	8	180	230	310	80	40	40
DN200	8	200	230	310	80	40	40
DN250	10	250	230	310	80	40	40

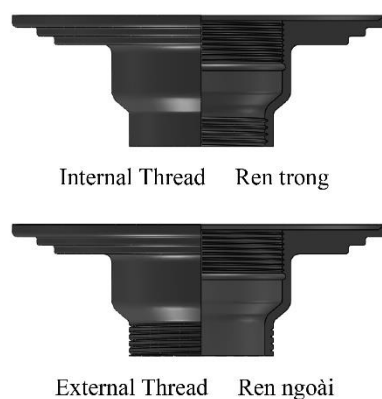
MODEL R51

Materials: Cast Iron for Body, SUS304 for Cover

Vật liệu: Thân Gang, Mặt Inox 304



Option: Cast Iron Cover and Adjustor
Lựa chọn: Mặt và Bộ điều chỉnh Gang đúc



MODEL R51

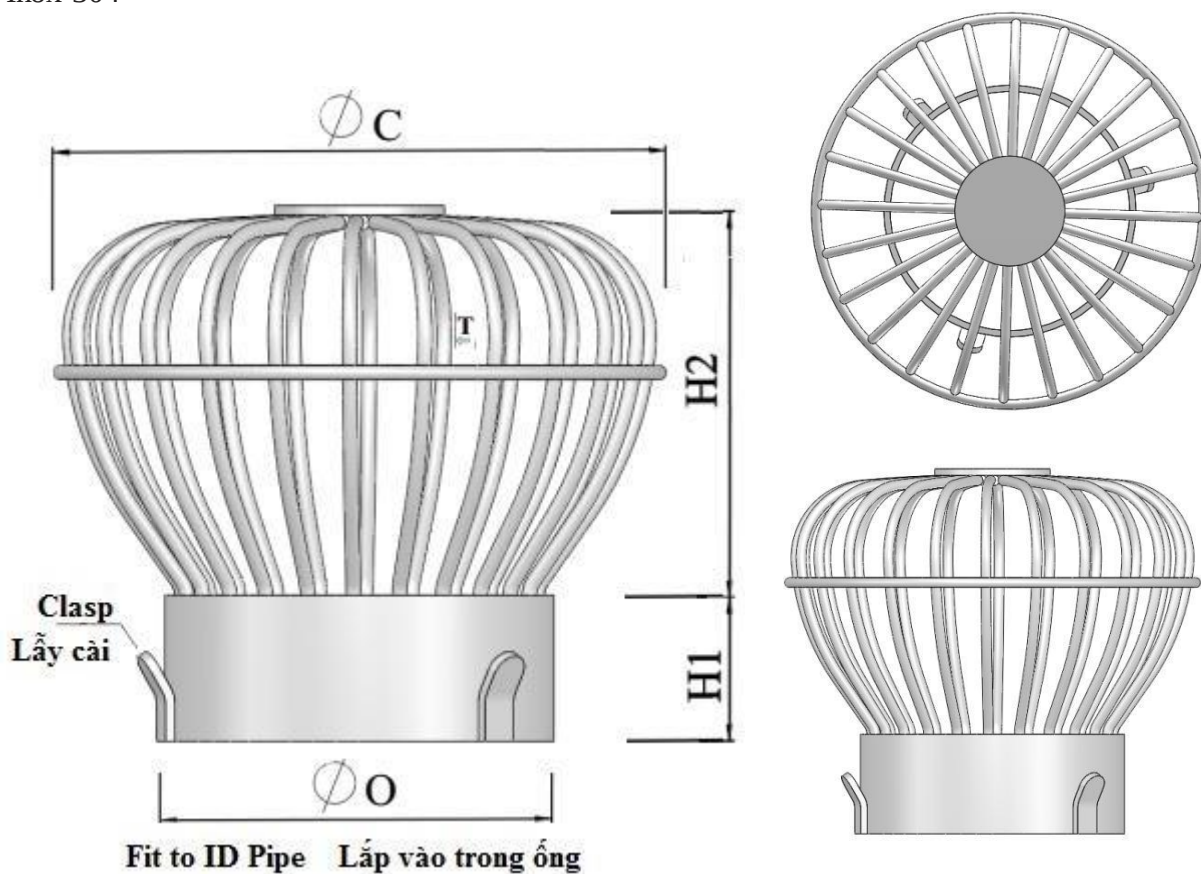
ROOF DRAIN

Pipe Size Kích thước ống	O	A	C	E	F	H
(DN) (In) (mm) (mm) (mm) (mm) (mm)						
DN50 2	52	74	220	50	156	change
DN65 2 1/2	67	74	220	50	156	change
DN80 3	81	74	220	50	156	change
DN100 4	102	74	220	50	156	change
DN125S 5	110	74	220	50	156	change
DN125 5	125	74	220	50	156	change
DN150 6	152	100	310	90	285	change
DN200S 8	180	100	310	90	285	change
DN200 8	200	110	310	90	285	change
DN250 10	230	100	310	90	285	change

MODEL R31

Materials: SUS304

Vật liệu: Inox 304



MODEL R31

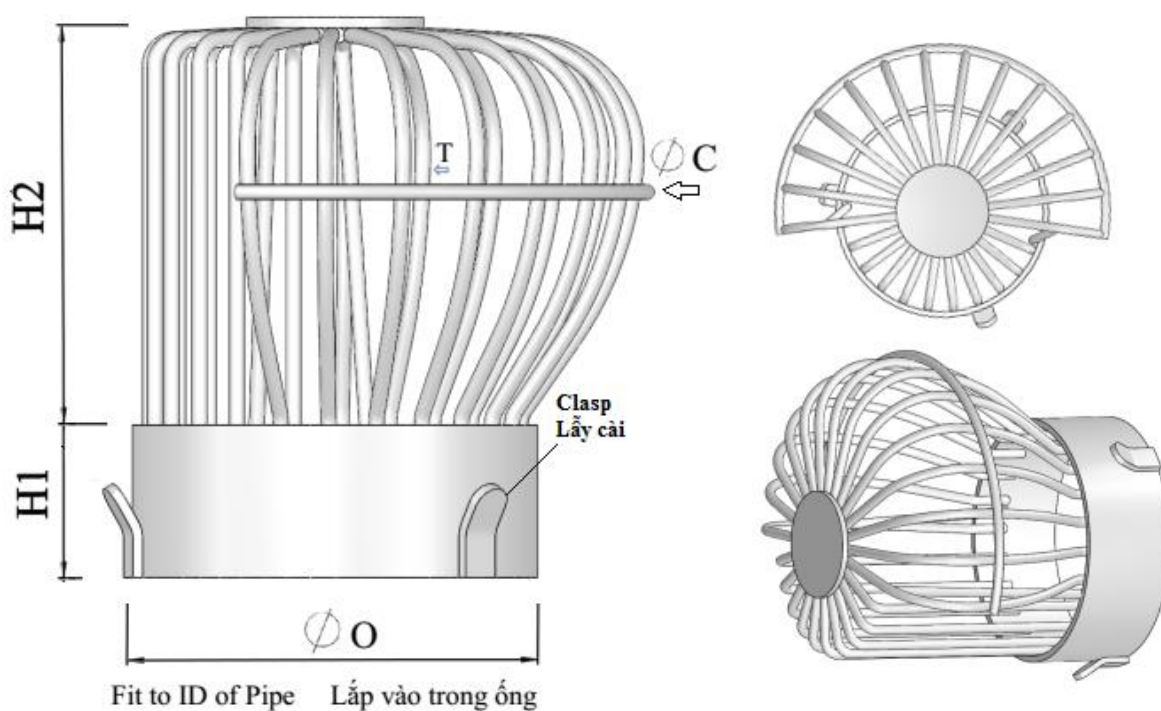
ROOF DRAIN

Pipe Size Kích thước ống		O	C	H1	H2	T
(DN)	(In)	(mm)	(mm)	(mm)	(mm)	(mm)
DN40	1 1/2	40	90	30	75	2
DN50	2	51	90	30	75	2
DN65	2 1/2	63	105	30	75	2
DN80	3	78	120	30	75	3
DN100	4	94	135	30	105	3
DN100L	4	98	150	40	125	3
DN125S	5	110	150	40	125	3
DN125	5	122	175	50	125	3
DN150	6	148	200	50	125	3
DN180	8	180	225	60	125	3
DN200	8	200	245	60	125	3
DN220	9	220	270	70	140	3
DN250	10	250	295	70	140	3
DN300	12	300	360	70	140	3

MODEL R31N

Materials: SUS304

Vật liệu: Inox 304



MODEL R31N

ROOF DRAIN

Pipe Size Kích thước ống		O	C	H1	H2	T
(DN)	(In)	(mm)	(mm)	(mm)	(mm)	(mm)
DN40	1 1/2	40	90	30	75	2
DN50	2	51	90	30	75	2
DN65	2 1/2	63	105	30	75	2
DN80	3	78	120	30	75	3
DN100	4	94	135	30	105	3
DN100L	4	98	150	40	125	3
DN125S	5	110	150	40	125	3
DN125	5	122	175	50	125	3
DN150	6	148	200	50	125	3
DN180	8	180	225	60	125	3
DN200	8	200	245	60	125	3
DN220	9	220	270	70	140	3
DN250	10	250	295	70	140	3
DN300	12	300	360	70	140	3

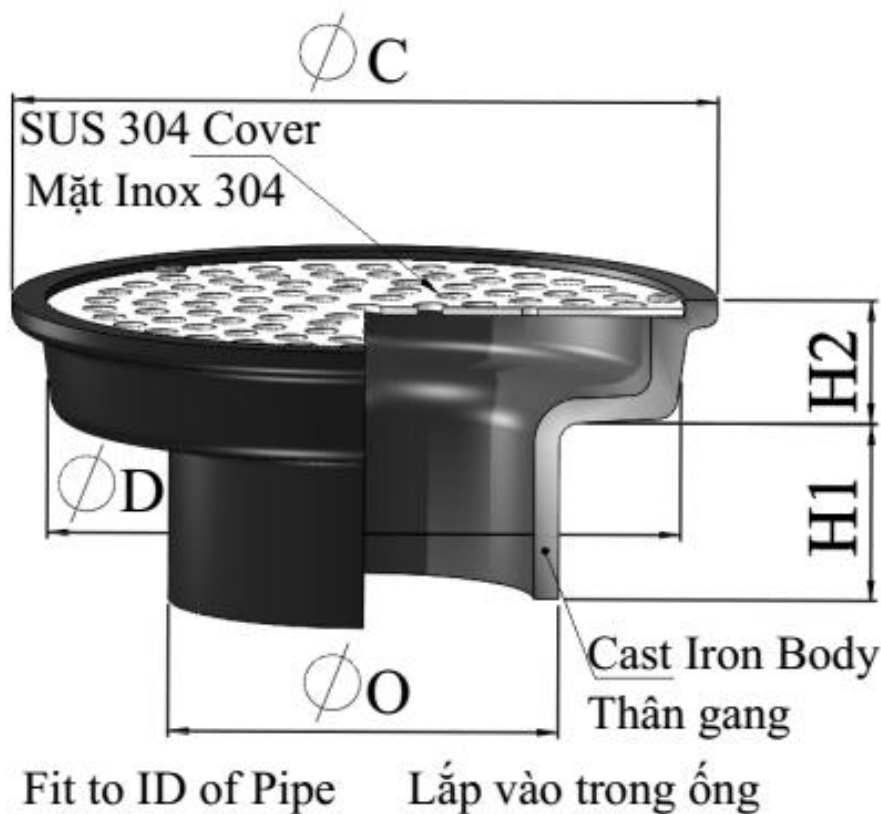
MODEL R32

Materials: Cast Iron for Body, SUS304 for Cover

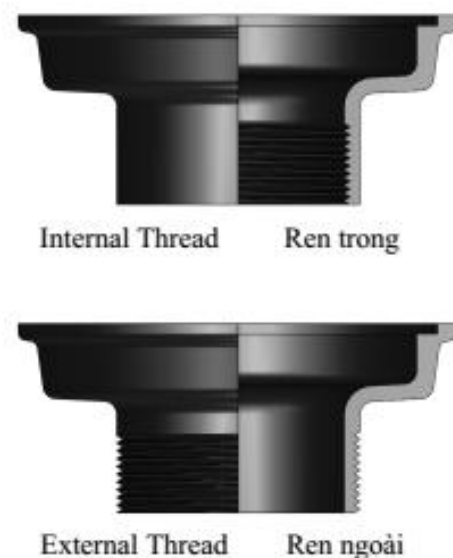
Load: 250kN

Vật liệu: Thân Gang, mặt Inox 304

Chịu tải: 25 tấn



Tùy chọn: Cách nối ống
Options: Pipe Connection

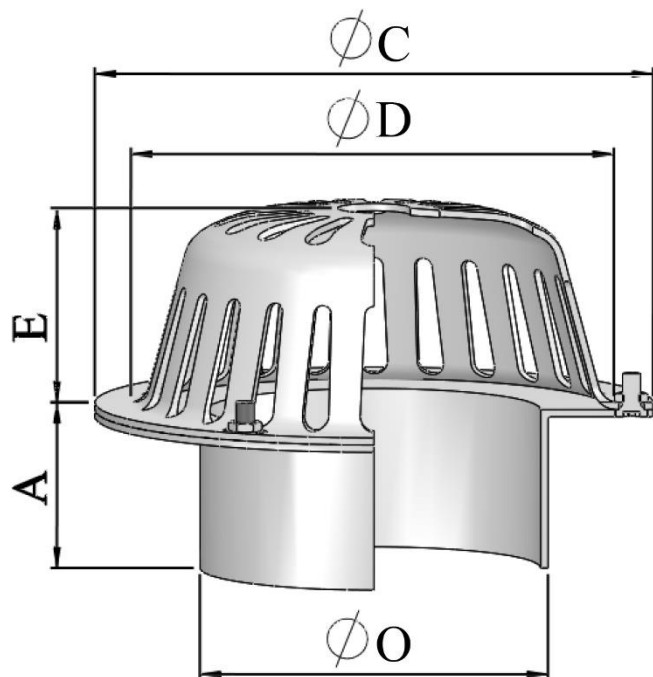


MODEL R32		ROOF DRAIN				
Pipe Size		O	D	C	H1	H2
Kích thước ống						
(DN)	(In)	(mm)	(mm)	(mm)	(mm)	(mm)
DN50	2	51	150	170	35	30
DN65	2 1/2	64	150	170	35	30
DN80	3	79	150	170	35	30
DN100	4	98	150	170	35	30
DN125S	5	110	150	170	35	30
DN125	5	120	150	170	35	30
DN150	6	148	230	310	40	40
DN200S	8	180	230	310	40	40
DN200	8	200	230	310	40	40
DN250	10	250	230	310	40	40

MODEL R41

Materials: SUS304

Vật liệu: Inox 304



Fit to ID of Pipe Lắp vào trong ống



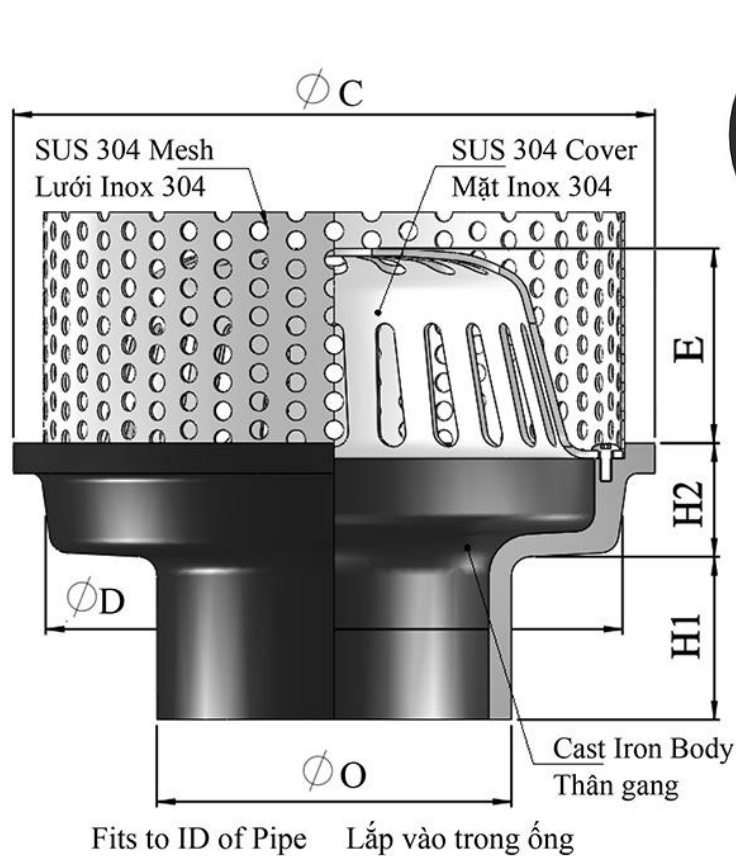
Option: External Thread
Lựa chọn: Ren ngoài

MODEL R41		ROOF DRAIN				
Pipe Size		O	C	D	A	E
Kích thước ống						
(DN)	(In)	(mm)	(mm)	(mm)	(mm)	(mm)
DN50	2	51	156	132	35	50
DN65	2 1/2	63	156	132	35	50
DN80	3	78	156	132	40	50
DN100	4	98	156	132	40	50
DN125S	5	110	156	132	40	50
DN125	5	120	156	132	40	50
DN150	6	148	285	234	45	90
DN200S	8	180	285	234	45	90
DN200	8	200	285	234	45	90
DN250	10	250	285	234	45	90

MODEL R21L

Materials: Cast Iron for Body, SUS304 for Cover

Vật liệu: Thân Gang, Mặt Inox 304



Tùy chọn: Cách nối ống
Options: Pipe Connection



Internal Thread Ren trong



External Thread Ren ngoài

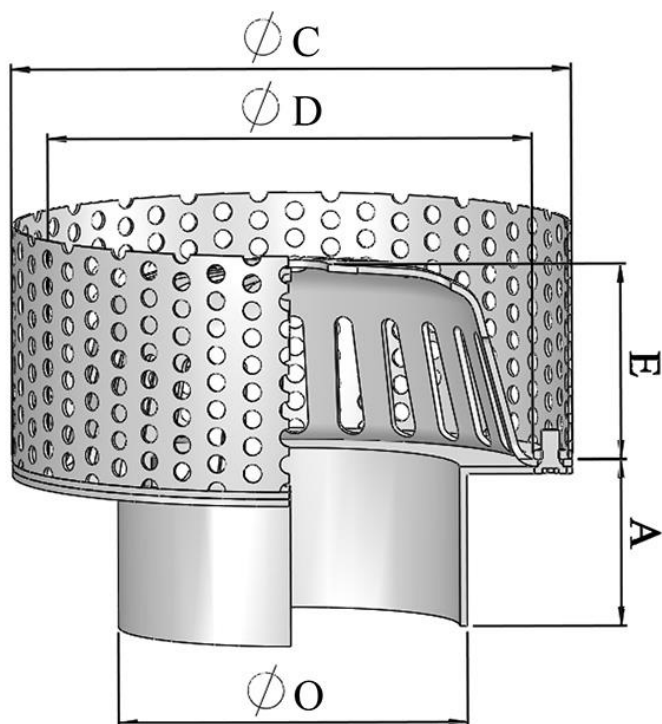
MODEL R21L

ROOF DRAIN

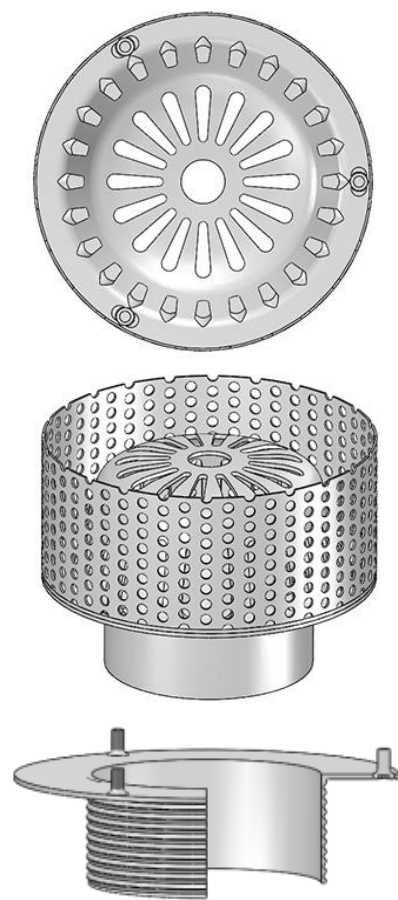
Pipe Size Kích thước ống	O	C	D	A	E
(DN) (In)	(mm)	(mm)	(mm)	(mm)	(mm)
DN50 2	51	156	132	35	50
DN65 2 1/2	63	156	132	35	50
DN80 3	78	156	132	40	50
DN100 4	98	156	132	40	50
DN125S 5	110	156	132	40	50
DN125 5	120	285	234	40	90
DN150 6	148	285	234	45	90
DN200S 8	180	285	234	45	90
DN200 8	200	285	234	45	90
DN250 10	250	285	234	45	90

Materials: SUS304

Vật liệu: Inox 304



Fit to ID of Pipe Lắp vào trong ống



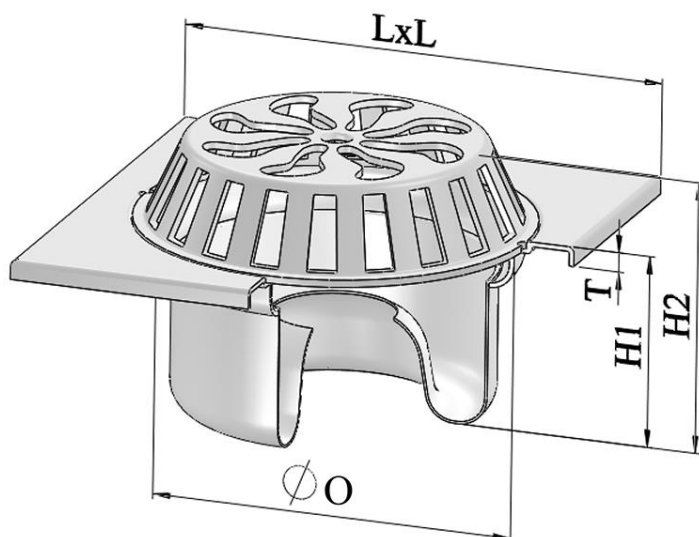
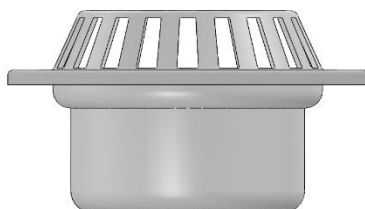
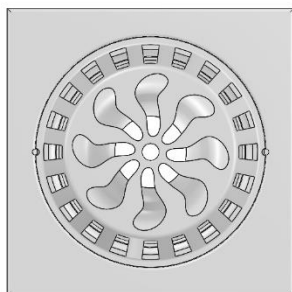
Option: External Thread
Lựa chọn: Ren ngoài

MODEL R41L		ROOF DRAIN				
Pipe Size		O	C	D	A	E
Kích thước ống						
(DN)	(In)	(mm)	(mm)	(mm)	(mm)	(mm)
DN50	2	51	156	132	35	50
DN65	2 1/2	63	156	132	35	50
DN80	3	78	156	132	40	50
DN100	4	98	156	132	40	50
DN125S	5	110	156	132	40	50
DN125	5	120	156	132	40	50
DN150	6	148	285	234	45	90
DN200S	8	180	285	234	45	90
DN200	8	200	285	234	45	90
DN250	10	250	285	234	45	90

MODEL R33

Materials: SUS304

Vật liệu: Inox 304



Fit to ID of Pipe Lắp vào trong ống

MODEL R33		ROOF DRAIN				
Pipe Size		O	H1	H2	L	T
Kích thước ống						
(DN)	(In)	(mm)	(mm)	(mm)	(mm)	(mm)
DN65	2 1/2	69	33	50	109	4
DN80	3	70	33	50	109	4
DN100	4	91	33	50	120	4

CÔNG TY TNHH THIẾT BỊ VÀ DỊCH VỤ THỦY SANH

THUYSANH EQUIPMENT AND SERVICE COMPANY LIMITED

Địa chỉ: Số 4/84 Tây Trà, P. Trần Phú, Q. Hoàng Mai, Tp. Hà Nội

Tel: (024) 6259 6104 - (024) 6259 6107

Hotline: 0932 209 969

Email: info@thuysanh.com

Website: www.pheuthunuoc.com